TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lê Thi Văn;

2. Bà Huỳnh Thị Thuỷ Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết T, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai. (Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

(Chị Nguyễn Tuyết T *vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh* Trần Văn T1 *vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T ***trình bày:***

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Trần Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 08 tháng 11 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Chị Nguyễn Tuyết T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kéo dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Toà giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T1.

+ Về con chung: Có 01 người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 25/3/2023. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn T1***:*** Anh Trần Văn T1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai). Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ kiện gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hoà giải.

- Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Bị đơn anh Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai) theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận cho chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

+ Về con chung: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 25/3/2023 cho chị Nguyễn Tuyết T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Tuyết T không yêu cầu, nên không xét.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với bị đơn nên không có căn cứ để xác định tài sản chung, nợ chung nên không có cơ sở để xem xét giải quyết, khi đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện "Ly hôn" và người bị kiện cư trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ , tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T và bị đơn anh Trần Văn T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Trần Văn T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã A, tỉnh Gia Lai) vào ngày 08 tháng 11 năm 2022. Lời trình bày của chị Nguyễn Tuyết T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2022, ngày đăng ký 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã A, tỉnh Gia Lai) cấp cho Nguyễn Tuyết T và Trần

Văn T1 (Bản chính). Nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong công việc, cuộc sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho anh T1, nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hoà giải và tại phiên tòa anh T1 vắng mặt. Điều này cho thấy, anh T1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét hôn nhân giữa chị Nguyễn Tuyết T và anh Trần Văn T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T, anh T1 tại địa phương nơi cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Trần Văn T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 25/3/2023. Lời trình bày của chị T phù hợp với Giấy khai sinh của Trần Thanh T2, sinh ngày 25/3/2023 (Bản sao).

Ly hôn, chị Nguyễn Tuyết T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý người con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T là giao người con chung là Trần Thanh T2 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Tuyết T không yêu cầu, nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị T, anh T1 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do không làm việc được với anh Trần Văn T1 nên vấn đề này sẽ được xem xét trong một vụ án khác, nếu các bên đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm,

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số : 0004423 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ , tỉnh Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Nguyễn Tuyết T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Có 01 người con chung là Trần Thanh T2, sinh ngày 25/3/2023. Giao người con chung là Trần Thanh H cho chị Nguyễn Tuyết T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Tuyết T về việc không yêu cầu anh Trần Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị T, anh T1 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này. Khi nào chị Nguyễn Tuyết T và anh Trần Văn T1 có tranh chấp, yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số : 0004423 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ , tỉnh

Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Nguyễn Tuyết T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Trần Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3-Gia Lai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã An Lương;
- Lưu VP- HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bá Tùng